

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ LY HÔN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TRẦN NGUYỆT MINH THU*

Tóm tắt: Xã hội Việt Nam đang trải qua những biến đổi trên nhiều chiều cạnh liên quan tới mức độ bền vững của gia đình. Sự nổi lòng của áp lực xã hội, đa dạng hóa mô hình hôn nhân và cấu trúc gia đình, và thay đổi trong nhìn nhận về vị thế của người phụ nữ đã làm cho tính chất của vấn đề ly hôn xa dần các định kiến trước đây. Dựa trên số liệu khảo sát, bài viết tìm hiểu vấn đề ly hôn từ chiều cạnh xã hội và pháp luật, xác định nguyên nhân, qua đó thống kê được các lý do phổ biến vẫn là: ngoại tình, bạo lực, bất đồng vợ chồng, nạn rượu bia, cờ bạc. Trong xã hội hiện nay, áp lực từ phía gia đình và cộng đồng dường như giảm dần, song ly hôn vẫn là tình huống không mong đợi, gắn với sự tổn thương khó bù đắp. Vấn đề đặt ra là làm sao để góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực, qua đó củng cố, bảo vệ những giá trị nền tảng của mỗi gia đình, góp phần ổn định và phát triển xã hội.

Từ khóa: gia đình, hôn nhân, ly hôn, Việt Nam.

Nhận bài: 2/1/2018; **Gửi phản biện:** 15/1/2018; **Duyệt đăng:** 28/2/2018

1. Đặt vấn đề

Toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế đã và đang tác động nhiều chiều tới toàn xã hội và mỗi gia đình. Sự biến đổi mô hình gia đình từ truyền thống sang hiện đại, tính cố kết trong quan hệ giữa các thành viên cũng như trong quan hệ hôn nhân dường như thiếu chặt chẽ hơn, thể hiện ở xu hướng gia tăng của tình trạng ly hôn theo một số kết quả nghiên cứu gần đây. Số liệu từ Tổng cục Thống kê cho thấy trên cả nước có 18.308 vụ ly hôn đã xét xử năm 2013; tăng thành 19.960 vụ năm 2014; 24.101 năm 2015 và 24.308 năm 2016 (Tổng cục Thống kê, 2014: 2016). Số vụ ly hôn trên 100.000 dân từ 15 tuổi trở lên trong các năm tương ứng là 34,4; 37,1; 44,6 và 44,6.

Biến đổi xã hội đã và đang diễn ra trong quá trình hiện đại hóa và phát triển kinh tế, mang nhiều hàm ý đối với sự bền vững của gia đình. Công nghiệp hóa và đô thị hóa đã lôi cuốn cả nam giới và phụ nữ tham gia vào lực lượng lao động xã hội, dần chuyển chức năng sản xuất của phụ nữ ra khỏi gia đình. Họ trở thành những người làm công ăn lương, trở nên độc lập về kinh tế, mất dần sự lệ thuộc theo thời gian. Đây là tiền đề quan trọng giúp phụ nữ có được quyết định ly hôn dễ dàng hơn khi họ phải đối mặt với cuộc hôn

* Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

nhân không hạnh phúc. Về xã hội, việc tham gia ngày càng nhiều hơn vào các hoạt động kinh tế - xã hội ngoài gia đình đem lại cho những người lao động nhiều cơ hội nâng cao hiểu biết, nâng cao vốn xã hội. Qua đó phụ nữ đã tự nhận thức tốt hơn về quyền, có tiếng nói hơn trong gia đình và xã hội, gia tăng sự lựa chọn trong cuộc sống. Về văn hóa, quá độ sang xã hội công nghiệp, toàn cầu hóa cũng đi kèm với nhiều biến đổi văn hóa mạnh mẽ, nổi bật nhất là sự thay đổi khuôn mẫu hôn nhân từ chỗ do cha mẹ sắp đặt sang hôn nhân tự chủ và dựa trên tình yêu.

Tính tự chủ trong hôn nhân, đặc biệt là ly hôn được thể hiện rõ ở tỷ lệ đứng đơn xin ly hôn của phụ nữ vượt cao hơn nam giới và có xu hướng tăng dần theo thời gian, qua nghiên cứu của Trần Thị Minh Thi (2014), Phan Thị Luyện (2015) và một số tác giả khác. Xã hội hiện đại đã nhìn nhận ly hôn với bản chất tích cực và tiến bộ, với sự đảm bảo quyền tự do, gỡ bỏ dần định kiến trước đây. Song bên cạnh những khía cạnh tích cực, vẫn còn rất nhiều vấn đề liên quan đến ly hôn cần được tiếp tục nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, hướng tới mục tiêu hạn chế tác động không mong muốn đến các cặp vợ chồng và gia đình, nền tảng để tạo nên sự phát triển hài hòa trong xã hội.

Bài viết phân tích vấn đề ly hôn từ chiều cạnh xã hội và pháp luật, gắn với bối cảnh phát triển và hội nhập của xã hội Việt Nam, sơ bộ xác định một số nguyên nhân chính dẫn tới quyết định ly hôn, hướng tới mục tiêu góp phần xây dựng hôn nhân bền vững, hạn chế những tác động không mong muốn của ly hôn với mỗi gia đình và toàn xã hội. Thông tin phân tích được sử dụng trên cơ sở kết quả khảo sát của đề tài: “*Vấn đề ly hôn trong xã hội Việt Nam hiện đại*” (2016-2018), là sản phẩm của Đề tài thuộc Chương trình KHCN trọng điểm cấp Bộ “Nghiên cứu, đánh giá tổng thể về gia đình thời kỳ CNH-HĐH và hội nhập quốc tế”. Nghiên cứu được thực hiện với phương pháp chọn mẫu có chủ đích tại 4 tỉnh/thành phố trên cả nước, nơi có tỷ lệ ly hôn tương đối cao dựa trên số liệu về ly hôn của Tổng cục Thống kê năm 2014, đại diện cho khu vực Bắc, Trung, Nam của Việt Nam. Trên cơ sở mẫu, đề tài đã chọn ra ba tỉnh/thành phố để khảo sát định lượng là Hà Nội, Khánh Hòa và Tiền Giang, mỗi tỉnh/thành phố chọn ra 1 quận và 1 huyện, trong đó bước đầu khảo sát tại 1 phường và 1 xã, dựa trên phương pháp ngẫu nhiên phân tầng. Như vậy, tại mỗi tỉnh/thành phố của mẫu chính (3 tỉnh/thành phố) sẽ có 300 phỏng vấn bằng bảng hỏi hộ gia đình (150 ở đô thị và 150 ở nông thôn), tổng cộng sẽ có 900 phỏng vấn bằng bảng hỏi được thực hiện. Ngoài định lượng, các khảo sát định tính đã được thực hiện trên cả 4 tỉnh, thành phố.

2. Tình hình ly hôn tại Việt Nam và một số quan điểm xã hội đa chiều

Số liệu của Tổng cục Thống kê đã chỉ ra những tỉnh/thành phố và khu vực có số vụ ly hôn cao tại Việt Nam thời điểm năm 2014, một trong những cơ sở cho việc chọn mẫu khảo sát.

Thời điểm năm 2014, theo Bảng 1, số vụ ly hôn đã xét xử trên phạm vi cả nước là 19.960 vụ. Theo khu vực, Đồng bằng sông Cửu Long (gồm 13 tỉnh/thành phố) là khu vực có số lượng các vụ ly hôn được xét xử năm 2014 nhiều nhất (6.030 vụ), chiếm tỷ lệ cao nhất (30,2%) trên tổng số của cả 6 khu vực. Tiếp theo là Đông Nam Bộ (gồm 6 tỉnh/thành

phố) với 4.304 vụ, chiếm tỷ lệ 21,6%. Đồng bằng sông Hồng (gồm 11 tỉnh/thành phố) đứng thứ 3 với tỷ lệ 18,6% của 3707 vụ ly hôn được xét xử năm 2014. Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung (gồm 14 tỉnh/thành phố) có số vụ ly hôn không chênh nhiều so với khu vực Đồng bằng sông Hồng, tổng số khoảng 3.250 vụ, chiếm 16,3%. Trung du và miền núi phía Bắc tuy có số tỉnh/thành phố bằng với khu vực Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, song số vụ ly hôn lại thấp hơn hẳn, chỉ khoảng một nửa với 1.761 vụ, chiếm 8,8%. Cuối cùng, khu vực Tây Nguyên có số vụ ly hôn được xét xử năm 2014 thấp nhất trong 6 khu vực, chỉ chiếm 4,6% với 908 vụ, có thể một phần do khu vực này cũng chỉ bao gồm 5 tỉnh/thành phố.

Bảng 1. Số vụ ly hôn đã xét xử trong năm 2014 và 2016 chia theo 6 khu vực

	Số vụ ly hôn theo địa phương		Tỷ lệ %/tổng số vụ ly hôn cả nước	
	2014	2016	2014	2016
Tổng số cả nước	19960	24308	100,0	100,0
Đồng bằng sông Hồng	3707	4058	18,6	16,7
Trung du và miền núi phía Bắc	1761	2127	8,8	8,8
Bắc Trung Bộ & Duyên hải miền Trung	3250	4117	16,3	16,9
Tây Nguyên	908	1081	4,6	4,4
Đông Nam Bộ	4304	5132	21,6	21,1
Đồng bằng sông Cửu Long	6030	7793	30,2	32,1

Nguồn: Niên giám thống kê năm 2014, 2016.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê năm 2014, nhóm nghiên cứu đã lựa chọn 4/6 khu vực có số vụ ly hôn cao, thứ tự gồm: Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung. Các tỉnh/thành phố được lựa chọn để thu thập thông tin định lượng và/hoặc định tính cũng là những tỉnh có số vụ ly hôn cao nhất tại những khu vực đó, theo thứ tự gồm: Tiền Giang, Thành phố Hồ Chí Minh, Khánh Hòa, Hà Nội. Nhìn một cách tổng thể trên số liệu của Tổng cục Thống kê, có thể nhận thấy các vụ ly hôn được xét xử, giải quyết có vẻ xuất hiện nhiều hơn ở những thành phố lớn, đông dân như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Thanh Hóa, Nghệ An v.v.; những tỉnh/thành phố phát triển về thương mại, du lịch, dịch vụ như: Hải Phòng, Thanh Hóa, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Tiền Giang v.v.

Tác giả Mai Huy Bích (2005) cho rằng không nên coi ly hôn là sự kiện mà nên xét việc đó như một quá trình, có cả những mặt tốt, mặt xấu. Ly hôn đang gia tăng ở các nước trên thế giới cũng như trong khu vực, điều này được coi là dấu hiệu của những bất ổn trong cấu trúc hôn nhân. Có nhiều lý do dẫn đến cuộc sống hôn nhân tan vỡ, gồm cả những khác biệt trong tính cách, quan điểm, tư tưởng, sự chia sẻ giữa vợ và chồng. Ly hôn là một quá trình từ gắn bó tới tách biệt, từ chung sống tới chia tay và sống riêng. Dù trên phương diện nào thì hệ quả của ly hôn vẫn luôn là gánh nặng với cá nhân, gia đình và xã hội (Mai Huy Bích, 2005; Hoàng Bá Thịnh, 2009).

Một điểm tương đồng trong nghiên cứu tại các tỉnh/thành phố, có thể thấy gia đình đã và đang biến đổi trên nhiều chiều cạnh như: tuổi kết hôn có xu hướng tăng; cá nhân

chủ động trong lựa chọn hôn nhân thay vì cha mẹ lựa chọn; số con trong mỗi gia đình giảm nhiều so với trước v.v. Điều này trùng với những nhận định trong nghiên cứu của Nguyễn Hữu Minh và Trần Thị Vân Anh (2009). Quy mô, cấu trúc của gia đình Việt Nam đang chuyển sang hướng hạt nhân hóa (Lê Ngọc Văn và cộng sự, 2002). Trên bình diện gia đình, một số ý kiến cho rằng hiện đại hóa dẫn đến sự dần thay đổi những giá trị của hôn nhân truyền thống, tác động mạnh mẽ tới cơ cấu và chức năng gia đình. Thực trạng cơ cấu gia đình ngày càng thu hẹp, số vụ ly hôn vẫn tăng theo thời gian, được dự đoán có thể do quan niệm xã hội đối với vấn đề ly hôn đã không còn nặng nề như trước.

Ngày xưa vấn đề tai tiếng rất đáng sợ nên phụ nữ phải cam chịu, chị em không có quyền bình đẳng với các anh. Bây giờ trên báo đài thấy người nước ngoài sống phóng khoáng trong hôn nhân, các chị bắt đầu đã có những tiếp nhận. Các chị cũng tự có nguồn tài chính riêng nên cảm thấy phải sống cho mình hơn.

(TLN, Cán bộ phụ nữ, Tiền Giang)

Trong mỗi gia đình, vai trò của cá nhân ngày càng được đề cao, địa vị hôn nhân có những thay đổi đáng kể, các quan hệ giới dần trở nên bình đẳng hơn giữa nam và nữ trong mọi hoạt động (Vũ Mạnh Lợi và cộng sự, 2007; Vũ Tuấn Huy, 2004). Tiến trình bình đẳng giới của Việt Nam đã đạt được những thành tích ấn tượng, điều đó cũng một phần nói lên việc phụ nữ dần nhận thức rõ ràng hơn về các quyền được hưởng. Ở đô thị lớn, nhìn chung nam nữ đều có nhiều cơ hội học tập cũng như tiếp cận với các nguồn cung việc làm. Vai trò của người phụ nữ hiện đại ngày càng đa dạng với nhiều lựa chọn phía trước, ngoài phạm vi gia đình.

Vai trò của phụ nữ tăng lên rất cao nên là người phụ nữ quyết định mọi việc. Phải nói đàn ông bây giờ có lúc lép vế cả ở ngoài xã hội lẫn trong gia đình. Giờ đơn ly hôn của phụ nữ cũng không nhất thiết phải có chữ ký của người chồng.

(TLN, nam, đã kết hôn, Khánh Hòa)

Song những mâu thuẫn và thiệt thòi đối với người phụ nữ cũng có thể nảy sinh từ đây. Cơ hội thăng tiến, khẳng định bản thân, gánh vác kinh tế gia đình cộng với vai trò làm vợ, làm mẹ, chăm sóc gia đình v.v. đôi khi cũng thật khó để xác định đâu là cơ hội và đâu là rào cản. Thực tế cho thấy để thực hiện tốt vai trò xã hội, phụ nữ vẫn gặp khó khăn nhiều hơn nam giới, một số trường hợp là sự hy sinh, đánh đổi. Trong gia đình, khi người đàn ông chưa có suy nghĩ tích cực về vấn đề bình đẳng thì sự thành đạt của người phụ nữ cũng có thể sẽ là nguyên nhân tạo ra mâu thuẫn, xung đột không dễ giải quyết.

Mâu thuẫn trong hôn nhân đôi khi thể hiện sự bất đồng về tình cảm, do khác biệt về tư duy và tính cách. Những tích tụ của mâu thuẫn gia đình khó giải quyết là nguyên nhân âm ỉ của sự bùng nổ xung đột gia đình, nói cách khác xung đột gia đình xuất hiện nhiều hơn bắt nguồn từ những mâu thuẫn chưa được hoặc chưa thể giải quyết. Những người phụ nữ được cho là may mắn hơn khi nhận được sự thông cảm và khích lệ từ chồng lại phải đối mặt với khó khăn khác, đó là sự mâu thuẫn giữa các vai trò. Biến đổi xã hội làm cho đời sống gia đình có xu hướng mở rộng phạm vi và mức độ mâu thuẫn, tác động nhiều chiều tới cuộc hôn nhân.

Nhiều khi bỏ nhau không phải vì đói kém mà do vợ chồng không tương đồng. Lắm hôm việc đột xuất không com nước được đúng giờ thế là quát tháo, quát cả vợ cả con. Đã không thông cảm thì thôi còn gây căng thẳng mệt mỏi, rồi bóng gió bắt tôi nghỉ việc. Mình không muốn điều qua tiếng lại, con cái nhìn vào nên đành im lặng.

(PVS, nữ, 42 tuổi, TP. HCM)

Mình còn lo làm lo ăn, một mình lo tới bốn miệng ăn, rồi còn chăm con dạy con, ba không bao giờ hỏi con. Tôi nghĩ tôi cũng lơ là, nhưng có thời gian đầu mà quản lý chồng. Tháng nào cũng phải chu cấp cho ông ấy 3 triệu, thế nên tôi phải làm đủ thứ, không ngại khổ, ngại khổ thì lấy đâu ra mà tiêu. Nhưng sao tôi thấy hạnh phúc khó quá, việc lớn việc nhỏ cái gì cũng hỏi tiền, nhiều thứ tiền quá không lo đủ là lại không vui, về là cau có. Hình như phải có tiền nhiều thì mới có hạnh phúc.

(PVS, nữ, 53 tuổi, Khánh Hòa)

Có gần 40% số người được hỏi cho biết họ đã từng nghĩ đến việc ly hôn một cách nghiêm túc. Tỷ lệ nữ đã từng nghĩ đến ly hôn cao gần gấp đôi so với nam giới (43,5% so với 24,3%, 64,8% của 43,5% phụ nữ có nghĩ tới ly hôn cũng đã từng trao đổi việc đó với vợ/chồng). Bởi kết hôn là sự tự nguyện, mọi cá nhân đều có cơ sở bình đẳng như nhau và được pháp luật bảo hộ nên người phụ nữ hoàn toàn có cơ sở để ly hôn nếu không hạnh phúc với hôn nhân. Họ bình đẳng trong nhiều lĩnh vực, độc lập tự chủ về kinh tế, thậm chí có rất nhiều cờ hội thắng tiến. Thay vì thái độ luyến tiếc, thương cảm, trong nhiều trường hợp, ly hôn được xem là quyết định đúng đắn và cần thiết để giải thoát cá nhân khỏi những bức bối khó giải quyết. Những phân tích kể trên là một số trong hàng loạt lý do khiến tỷ lệ người trả lời là nữ khởi xướng, đứng làm nguyên đơn khi ly hôn chiếm tới 78,1%, trong khi tỷ lệ này ở nam giới chỉ khoảng một nửa.

Nhiều cấm kỵ của thế hệ trước đang dần được nói lỏng hơn trong xã hội ngày nay, như vấn đề sống thử, sống chung không kết hôn, tình dục trước hôn nhân (Nguyễn Đức Chiện, 2013). Theo số liệu khảo sát của đề tài, thanh niên độ tuổi từ 18 đến 30 có tỷ lệ quan hệ tình dục trước khi kết hôn là 50,3%, quan hệ lần đầu không phải với vợ/chồng chiếm 20,1%. So với tuổi kết hôn được pháp luật cho phép, quy định tại Điều 8, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: “*Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên*”, có tới 46,2% nam thanh niên có tuổi quan hệ tình dục lần đầu sớm hơn độ tuổi kết hôn theo quy định, số có quan hệ tình dục vào tuổi 20 chiếm 12,8%. Nam giới có quan hệ tình dục lần đầu trước kết hôn là 64,1%. Đối với nữ, tỷ lệ này thấp hơn, với dưới 10% nữ thanh niên có tuổi quan hệ tình dục lần đầu sớm hơn độ tuổi kết hôn được phép là 18 tuổi, số có quan hệ tình dục vào tuổi 18 xấp xỉ 10%. Tỷ lệ nữ giới có quan hệ tình dục lần đầu trước kết hôn chiếm 45,5%. Với nhóm người trả lời trên 30 tuổi, tỷ lệ quan hệ tình dục trước tuổi 20 đối với nam là 16,9% và 12,7% nam giới có quan hệ tình dục lần đầu ở tuổi 20. Nhóm nữ trên 30 tuổi, số có tuổi quan hệ tình dục lần đầu sau 18 tuổi chiếm 89,3%, trong đó 81,5% có quan hệ tình dục sau kết hôn.

Từ kết quả điều tra của Tổng cục Thống kê về ly hôn theo phân tích ở trên, có thể thấy, dường như xu hướng gia tăng tỷ lệ ly hôn là điểm chung của quá trình chuyển đổi từ

xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp hiện đại. Trong quá trình này, thiết chế hôn nhân và gia đình đã trải qua nhiều thay đổi có tính bước ngoặt, tác động sâu rộng đến cuộc sống của từng thành viên trong mỗi gia đình. Sự giao lưu học hỏi những giá trị văn hóa, xã hội mới khiến nhiều quan niệm, chuẩn mực về hôn nhân và gia đình thay đổi. Nhìn nhận của cộng đồng xã hội về ly hôn trở nên cởi mở hơn, giảm dần những thành kiến khắt khe. Trên tất cả, tư tưởng tôn trọng quyền tự do con người được đề cao. Các mô hình hôn nhân trong xã hội hiện đại cũng ngày càng trở nên phức tạp và khó xác định hơn, với sự tồn tại của những hình thái gia đình mới, riêng có như: sống chung nhưng không đăng ký, gia đình mẹ đơn thân, sinh con thuê, chung sống của những người đồng tính. Sự pha trộn, đan xen của chuẩn mực xã hội, chuẩn mực về đạo đức, bước chuyển của những mô hình hôn nhân đã và đang tác động không nhỏ tới sự biến đổi trong cấu trúc gia đình và thể hiện sự nói lỏng hơn của thiết chế.

3. Tìm hiểu vấn đề ly hôn từ chiều cạnh pháp luật

Hiến pháp Việt Nam qua nhiều lần ban hành luôn khẳng định các quyền cơ bản của công dân. Tính đến năm 2017, Việt Nam đã có 5 bản Hiến pháp vào các năm 1946, 1950, 1980, 1992, 2013. Hiến pháp năm 1946 chưa có quy định về ly hôn. Năm 1959 đến 1992, nội dung Hiến pháp đã có một số quy định về hôn nhân và gia đình. Hiến pháp năm 2013 là bản Hiến pháp đầu tiên của Việt Nam có quy định về quyền ly hôn của vợ chồng trên cơ sở tự nguyện và tiến bộ.

Dưới Hiến pháp, Luật Hôn nhân và Gia đình đã trải qua 4 lần ban hành vào các năm 1959, 1986, 2000 và 2014. Nếu Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959 và năm 1986 chưa giải thích thế nào là ly hôn, thì theo Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 “Ly hôn là chấm dứt quan hệ hôn nhân do Toà án công nhận hoặc quyết định theo yêu cầu của vợ hoặc của chồng hoặc cả hai vợ chồng” (Điều 8). Đến Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, ly hôn được định nghĩa “Ly hôn là việc chấm dứt quan hệ vợ chồng theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án” (Điều 3).

Việc hoàn thiện Luật để có thể vận dụng hiệu quả trong cuộc sống đã phần nào giúp hạn chế tối đa những tác động không mong muốn do ly hôn đem lại. Nhà nước đặt ra chế độ hôn nhân tự nguyện, bình đẳng nhằm xây dựng gia đình dân chủ, hoà thuận. Ngay cả khi gia đình tan vỡ thì sự bình đẳng về lợi ích giữa vợ và chồng vẫn được đảm bảo. Nhà nước bảo hộ hôn nhân, bảo đảm quyền tự do ly hôn của vợ chồng thông qua những quy định ngày càng cụ thể hơn, phù hợp với tiến trình phát triển của đất nước trong từng thời kỳ, cụ thể như sau:

Về việc xác định tính chất của các trường hợp ly hôn: Cơ bản có 2 trường hợp là ly hôn do nguyên đơn yêu cầu và trường hợp thứ hai là sự thuận tình ly hôn từ cả hai phía vợ và chồng.

Về nguyên đơn đề xuất yêu cầu ly hôn: Giai đoạn trước năm 2014 nguyên đơn gồm hai trường hợp chồng là nguyên đơn hoặc vợ là nguyên đơn. Từ Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đến nay, xuất hiện thêm một chủ thể có quyền yêu cầu ly hôn nữa là cha mẹ, người thân khi một bên mất khả năng kiểm soát và nhận thức, qua đó giúp người

trong cuộc có thể thoát khỏi những hành vi bạo lực mất kiểm soát từ phía người vợ hoặc chồng (Điều 51, Luật Hôn nhân và Gia đình, 2014). Điều 51 cũng xác định rõ người thân thích là người có quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng, người có cùng dòng máu về trực hệ và người có họ hàng trong phạm vi ba đời.

Về lý do và căn cứ giải quyết yêu cầu ly hôn: Vấn đề ly hôn sẽ được xem xét để giải quyết khi hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khác là khi một trong hai người mất tích hoặc không thể nhận thức và làm chủ hành vi.

Về lý do và căn cứ tạm thời không giải quyết yêu cầu ly hôn: Theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình, vợ chồng có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Để bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ trong thời gian mang thai và nuôi con nhỏ, cũng như tăng tính trách nhiệm của người chồng, Luật cũng quy định rõ việc người chồng không có quyền yêu cầu ly hôn trong trường hợp vợ đang có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi. Tuy nhiên, nếu yêu cầu đó xuất phát từ người vợ thì tòa án vẫn thụ lý.

Luật Hôn nhân và Gia đình luôn khẳng định kết hôn và ly hôn là tự nguyện, không bị ép buộc cũng không bị cấm cản, đặc biệt khi vợ chồng lâm vào tình trạng xung đột không thể khắc phục được (Điều 5). Về vấn đề quyền, theo xu hướng chung của các quốc gia phát triển, cộng đồng cũng đã có thái độ tôn trọng hơn đối với quyền tự do kết hôn, ly hôn. Sự độc lập ngày càng tăng về kinh tế, sự nâng cao địa vị của người phụ nữ làm cho tính chất ly hôn có nhiều thay đổi, tăng tỷ lệ ly hôn ở nhiều xã hội. Quyền quyết định của mỗi cá nhân luôn được đề cao và tôn trọng.

Phụ nữ được pháp luật bảo hộ rất nhiều nên bây giờ khác xưa rồi, không còn nhẫn nhục chịu đựng nữa. Xã hội phát triển, nền kinh tế phát triển thì đời sống vật chất của mỗi người càng tăng lên. Khi cuộc sống gia đình của mình không phát triển được như người ta thì nảy sinh mâu thuẫn, rồi chuyện ly thân, ly hôn cũng phát sinh nhiều hơn.

(TLN, Cán bộ xã, Hà Nội)

Nhìn chung, ly hôn hầu như không làm thay đổi vị thế cá nhân (Mai Huy Bích, 2011). Trong xã hội hiện đại, ly hôn tuy là sự chia rẽ và tách cặp, song ở một khía cạnh nào đó cũng đã được nhìn nhận đúng với bản chất tích cực và tiến bộ. Ly hôn có liên quan trực tiếp tới tình cảm gia đình, kinh tế gia đình, song lại không phải là vấn đề riêng của mỗi gia đình mà chung cho toàn xã hội. Đôi khi sự không rạch ròi trong tình cảm, trách nhiệm và quyền lợi kinh tế sẽ gây ra tình trạng mất đoàn kết giữa các bên đương sự, sút mề trong tình cảm hai bên gia tộc họ hàng và gây nhiều hậu quả xấu. Do đó nhìn nhận đúng để giải quyết có tình có lý các vụ ly hôn cũng là yếu tố quan trọng để duy trì niềm tin, những mối quan hệ và ổn định xã hội.

4. Xác định một số nguyên nhân ly hôn

Theo Trần Hữu Quang (2005), khái niệm “hiện đại hóa” chứa đựng những nội hàm mang tính kinh tế - xã hội, văn hóa - xã hội và thiết chế - xã hội sâu rộng, bao trùm của

quá trình công nghiệp hóa gắn với đô thị hóa. Trong xã hội Việt Nam hiện đại, có thể nhận thấy sự dần suy giảm của các loại quyền lực cổ truyền và sự xuất hiện của xu hướng cá nhân. Theo kết quả khảo sát thu thập được từ cuộc nghiên cứu, quan điểm về ly hôn ở Việt Nam đã trở nên cởi mở hơn, thể hiện qua một thực tế là số người trả lời không đồng tình với quan điểm “Hôn nhân không hạnh phúc thì ly hôn tốt hơn là sống với nhau” chỉ chiếm 6,6%; số người không đồng ý với quan điểm “Sẵn lòng cho con mình kết hôn với người đã ly hôn nhưng chưa có con riêng” cũng chiếm gần 1/3 trên tổng số người trả lời. Tuy nhiên, cũng theo kết quả khảo sát, xét về quan điểm, những người chưa bao giờ ly hôn dường như có mong muốn hướng tới sự bền vững của hôn nhân nhiều hơn so với những người đã từng ly hôn. Họ vẫn đề cao việc vợ chồng nên bỏ qua và chấp nhận nhau nếu còn có thể. Chia theo tình trạng hôn nhân, tỷ lệ đồng tình với quan điểm “Hôn nhân không hạnh phúc thì ly hôn tốt hơn là sống với nhau” ở những người chưa bao giờ ly hôn là 60%, thấp hơn khoảng 15% so với nhóm đã từng ly hôn.

Có nghiên cứu đã chỉ ra ba nguyên nhân chính dẫn tới ly hôn là mâu thuẫn về lối sống, ngoại tình và kinh tế khó khăn, nghiên cứu khác lại đề cập tới sự không phù hợp về tính cách và bạo lực gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch và một số tổ chức khác, 2008; Nguyễn Thanh Tâm, 2002). Nhìn chung, sự thiếu phù hợp về tính cách có thể được ví như sóng ngầm của hôn nhân, mâu thuẫn và các mối quan hệ phức tạp trong cũng như ngoài gia đình từ đó sẽ nảy sinh. Tình trạng mâu thuẫn, xung đột tới mức đối xử không bình thường với nhau của các cặp vợ chồng trong năm cuối cùng của cuộc hôn nhân chiếm tới hơn 80%, và tần suất xung đột diễn ra trên diện hàng tháng, chiếm tỷ lệ xấp xỉ 55% trên tổng số các trường hợp ly hôn có mâu thuẫn.

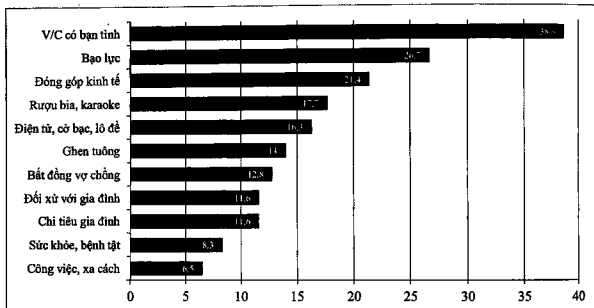
Những yếu tố liên quan tới đặc điểm cá nhân như tuổi, giới, học vấn, nghề nghiệp cũng có thể góp phần làm tăng hay giảm sự cố gắng trong lựa chọn tiếp tục chung sống hay tách đôi của nhiều cặp vợ chồng. Tuy quyết định ly hôn xuất hiện ở nhiều độ tuổi khác nhau, ở cả hai giới, đối với những nhóm học vấn và nhóm nghề khác nhau, song nhìn chung nhóm trẻ vẫn có tỷ lệ ly hôn cao hơn. Theo số liệu khảo sát của đề tài, tỷ lệ người trả lời ly hôn lần đầu trong độ tuổi thanh niên (19-30 tuổi) chiếm 38,6%.

Kết quả khảo sát cho thấy, hiện nay ngoại tình là nguyên nhân phổ biến nhất dẫn tới quyết định ly hôn của người trả lời. Ngoại tình có thể hiểu là hành vi quan hệ luyến ái ngoài hôn nhân, người đang có vợ có chồng nhưng lại có quan hệ vợ chồng và chung sống với người khác (Điều 5, Luật Hôn nhân và Gia đình). Ngoại tình là sự vi phạm những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân một vợ một chồng (Điều 1, Luật Hôn nhân và Gia đình), vi phạm quy định và chính sách bảo vệ chế độ hôn nhân và gia đình của Nhà nước (Điều 4, Điều 5, Luật Hôn nhân và Gia đình). Luật Hình sự, Điều 182 cũng đã có những quy định rõ ràng đối với việc vi phạm chế độ một vợ, một chồng, theo đó người vi phạm có thể bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.

Xã hội hiện đại với sự đa dạng và khác biệt trong lối sống, sự pha trộn của một số giá trị chuẩn mực, khiến cho các cặp vợ chồng phải đối mặt nhiều hơn với vấn đề ngoại

tình. Số liệu khảo sát cho thấy lý do ngoại tình gây mâu thuẫn gia đình chiếm 14,9% trong các gia đình có mâu thuẫn; ly thân do ngoại tình chiếm 31,8% các trường hợp ly thân; ly hôn do ngoại tình chiếm 38,6% các trường hợp ly hôn. Chung thủy đã trở thành một giá trị được đề cao trong mối quan hệ hôn nhân ở Việt Nam, việc ngoại tình dường như là điều khó có thể được tha thứ, do đó không hiếm trường hợp, quyết định ly hôn được đưa ra chỉ trong một thời gian ngắn mà không theo tiến trình của những mâu thuẫn, xung đột, ly thân trước ly hôn.

Hình 1. Nguyên nhân ly hôn của các cặp vợ chồng



Nguồn: Số liệu khảo sát đề tài "Vấn đề ly hôn trong xã hội Việt Nam hiện đại" (2016-2018).

Sự mở cửa và hội nhập, một mặt đã tạo động lực phát triển mạnh mẽ cho nền kinh tế, nhưng mặt khác cũng làm biến đổi những giá trị tinh thần. Điều này tác động lớn đến các gia đình, đặc biệt là các gia đình đô thị, bởi đây là cửa ngõ tiếp cận với các luồng văn hóa mới. Cơ hội tiếp cận với lối sống khác nhau đôi khi sẽ làm con người bộc lộ bản tính mà trước kia họ chưa bộc lộ. Vì thế mà các cuộc hôn nhân tan vỡ do cặp vợ chồng không còn chung thủy cũng dần tăng lên (Nguyễn Thanh Tâm, 2002). Nghiên cứu của Trần Thị Minh Thi (2014) cho thấy, ly hôn do ngoại tình đang tăng lên ở cả đô thị và nông thôn, song tỷ lệ này ở đô thị vẫn cao hơn. Điều này phù hợp với số liệu khảo sát của đề tài, tỷ lệ ly hôn vì lý do ngoại tình tại đô thị và nông thôn qua khảo sát lần lượt là 54,8% và 45,2%.

Ngoại tình xuất phát từ nhiều lý do xã hội khác nhau như: sự xa cách, mâu thuẫn gia đình, thiếu tình yêu, vấn đề con cái, sự chênh lệch tuổi tác, và nhiều khi cũng là do bản tính thích cái cái mới, cái lạ (Nguyễn Thanh Tâm, 2002). Tuy nhiên cũng có quan điểm khác cho rằng, ngoại tình đôi khi khó nhận biết về mặt động cơ (Trần Văn Thạch, 2012). Ngoại tình có thể là một tình huống không xác định trước, song nhìn chung hành vi này thường xảy ra theo một quá trình của những chán nản, mâu thuẫn, xung đột trong cuộc sống vợ chồng. Qua tìm hiểu, có thể thấy tình huống ngoại tình chỉ là điểm nút cuối của hàng loạt lý do khác, cũng là căn cứ quan trọng để tòa xét xử vụ án ly hôn.

Trên bình diện giới, tỷ lệ ly hôn do chồng có bạn tình cao hơn gấp hơn 2 lần (chiếm 69,3%) so với lý do vợ có bạn tình. Tỷ lệ này xuất hiện có lẽ do thực trạng có bạn tình xảy ra nhiều hơn ở nam giới so với nữ. Qua phỏng vấn sâu, cũng có thể thấy, quyết định ly hôn của người phụ nữ không xảy ra ngay sau khi phát hiện người chồng có mối quan hệ ngoài hôn nhân lần đầu, điều này tương đối khác biệt so với nam. Mặc dù không hạnh phúc, bị phản bội nhưng có một điểm chung ở số đông phụ nữ là bỏ qua, tiếp tục duy trì mối quan hệ với hy vọng về một sự thay đổi. Song đôi khi sự tha thứ đó cũng không đạt được kết quả như mong đợi, thậm chí trở nên trầm trọng hơn khi xuất hiện tình huống con chung, con riêng.

Ly hôn do hành vi bạo lực trong gia đình cũng là lý do được số đông người trả lời nhắc tới, chiếm 26,7%. Theo Luật Phòng chống Bạo lực gia đình (Điều 1), đó là những hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình. Trong Điều 2 của luật này, các hành vi bạo lực gia đình đã được chi tiết hóa thành 9 nhóm nội dung, liên quan tới việc gây tổn hại về thể xác, tinh thần, cưỡng ép kết hôn, ly hôn, lao động, cư trú và cưỡng ép về kinh tế đối với thành viên gia đình. Đối với các trường hợp bị bạo lực, phụ nữ nhìn chung vẫn là nạn nhân trong nỗ lực giành quyền kiểm soát từ người chồng, thậm chí từ gia đình chồng. Kỳ vọng trong hạnh phúc lứa đôi cộng với những khắc nghiệt trong cuộc sống dễ làm nảy sinh mâu thuẫn, xung đột dẫn tới bạo lực, đôi khi rất khó tha thứ.

Tại mỗi gia đình, nhìn chung vợ chồng là những người trụ cột trong việc tạo lập và phát triển kinh tế. Sự sung túc hay không trong đời sống kinh tế gia đình đều phụ thuộc vào sự đóng góp của vợ và chồng qua quá trình lao động và tích lũy. Kết quả khảo sát, có 21,4% số cuộc ly hôn có lý do liên quan tới việc đóng góp kinh tế gia đình. Trong xã hội hiện nay, có thể tìm thấy ưu thế quyền lực trong những đóng góp về kinh tế, thay vì vị thế trụ cột và quyền lực gia đình mà trước đây được mặc định cho nam giới. Áp lực về tài chính đôi khi nhen nhóm nhiều vấn đề khác đe dọa tới sự ổn định của hôn nhân. Sự gia tăng vị thế thông qua thu nhập và đóng góp xã hội đã làm cho phụ nữ đủ tự tin và chủ động rời xa những cuộc hôn nhân không hạnh phúc.

Chồng nghiện rượu bia, karaoke, mãi chơi điện tử, cờ bạc, lô đề v.v.. về cơ bản luôn đi kèm với sự xao nhãng trách nhiệm, giảm đóng góp về kinh tế và đôi khi nhem nhóm cho việc hình thành những thói hư tật xấu khác, ảnh hưởng tới hạnh phúc gia đình. Theo số liệu khảo sát, có tới 17,7% ly hôn vì lý do rượu bia, karaoke; 16,3% vì lý do chơi điện tử, cờ bạc, lô đề, và nguyên đơn chủ yếu là phụ nữ. Nguyên nhân từ thói quen cá nhân như cờ bạc, nghiện rượu, khiến cho những người trong cuộc không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân..., là lý do có thể kéo theo sau hàng loạt những lý do khác.

Ghen tuông không hiếm gặp trong đời sống vợ chồng, tuy nhiên mức độ và sự ảnh hưởng tới hạnh phúc mỗi gia đình là không giống nhau. Theo kết quả khảo sát, ly hôn do ghen tuông chiếm 14% trong số các lựa chọn của người trả lời. Mâu thuẫn và những xung đột gia đình nảy sinh do ghen tuông hầu như khó được giải quyết triệt để do sự nghi ngờ bị phản bội, gian dối về tình cảm, có quan hệ tình dục với một hay hơn một người khác.

Theo thông tin phỏng vấn sâu, thái độ ghen tuông cũng xuất hiện do sự chênh lệch của vợ chồng trong địa vị xã hội, trình độ học vấn, phạm vi các mối quan hệ xã hội và đặc trưng nghề nghiệp, công việc. Ghen tuông và bạo lực có vẻ như thường song hành với nhau trong cách ứng xử của nam giới, họ có xu hướng thích sử dụng bạo lực để giải tỏa sự bức tức và thể hiện thái độ.

Ngoài ra còn có rất nhiều nguyên nhân khác dẫn tới sự không thể hòa hợp trong cuộc sống vợ chồng như: sự bất đồng quan điểm (12,8%); ly hôn do không thể bỏ qua cách ứng xử của vợ/chồng với gia đình (11,6%); do bất đồng trong chi tiêu (11,6%); những trường hợp ly hôn vì lý do về sức khỏe bệnh tật, do xa cách vợ chồng và rất nhiều yếu tố khác, song hành với sự phát triển của xã hội Việt Nam hiện đại.

5. Thay lời kết

Xã hội Việt Nam với sự biến đổi đang diễn ra trên nhiều chiều cạnh, được cho là mang những hàm ý liên quan tới mức độ bền vững trong gia đình. Sự nói lỏng của thiết chế, đa dạng hóa mô hình hôn nhân và cấu trúc gia đình, bước chuyển trong nhìn nhận về vị thế của người phụ nữ đã làm cho tính chất của vấn đề ly hôn xa dần các định kiến trước đây. Số liệu của TCTK cho thấy số lượng các cuộc ly hôn vẫn tăng theo thời gian, liên quan tới vấn đề này kết quả khảo sát của đề tài cũng chỉ ra rằng các cặp vợ chồng ngày nay đã có thể dễ dàng hơn trong quyết định chấm dứt hôn nhân mà không phải chịu quá nhiều áp lực từ phía gia đình, cộng đồng. Tính tự chủ của phụ nữ trong việc duy trì hay tách cặp ngày càng được thể hiện rõ qua tỷ lệ đứng đơn xin ly hôn, địa vị hôn nhân đã có những thay đổi đáng kể. Tuy nhiên để thực hiện tốt vai trò xã hội, phụ nữ vẫn gặp khó khăn nhiều hơn nam giới bởi sự chồng chéo giữa các vai trò, đôi khi khiến cho những cơ hội trong cuộc sống cũng có thể vô hình chung trở thành rào cản.

Trên phương diện pháp lý, nội hàm khái niệm “Ly hôn” đã được xác định rõ từ Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, điều chỉnh vào năm 2014 hướng tới việc vận dụng ngày càng hiệu quả hơn trong thực tiễn xã hội và từng bước hạn chế những tác động không mong muốn của ly hôn. Quá trình hội nhập, sự giao thoa những giá trị văn hóa, bóng dáng của không ít các trường hợp ly hôn có yếu tố nước ngoài đã và đang góp phần làm tăng thêm tính đa dạng, phức tạp trong việc xác định nguyên nhân cũng như giải quyết dứt điểm. Dù mang ít nhiều ý nghĩa tích cực, song trên thực tế, ly hôn vẫn là tình huống không mong đợi đối với mỗi cá nhân khi bước vào cuộc sống gia đình, là sự tan vỡ gắn với những tổn thương không dễ gì bù đắp. Xã hội vẫn cần hạn chế việc gia tăng số vụ ly hôn và đặc biệt là giảm thiểu những tác động không mong muốn. Luôn tồn tại những quan điểm đa chiều, tích cực có, phê phán có, gắn với sự giải phóng cá nhân, khi các cặp vợ chồng lâm vào tình trạng mâu thuẫn và không hạnh phúc. Do đó, nghiên cứu về vấn đề ly hôn trong xã hội Việt Nam hiện đại vẫn luôn là chủ đề quan trọng và cần thiết để từng bước củng cố và bảo vệ những giá trị nền tảng của mỗi gia đình, góp phần ổn định và phát triển xã hội.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Tổng cục Thống kê; Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, & UNICEF. 2008. *Kết quả Điều tra gia đình Việt Nam năm 2006*. Hà Nội.
- Hoàng Bá Thịnh. 2009. Ly hôn: quan điểm và vấn đề nghiên cứu. *Tạp chí Tâm lý học*, số 1: 17-23.
- Lê Ngọc Văn, Nguyễn Văn Khiếu, Đỗ Thị Bình. 2002. *Số liệu điều tra cơ bản về Gia đình Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội.
- Mai Huy Bích. 2005. Gần lý thuyết với thực nghiệm: trường hợp nghiên cứu về ly hôn. *Tạp chí Xã hội học*, số 2: 96-102.
- Mai Huy Bích. 2011. *Xã hội học Gia đình*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội.
- Nguyễn Đức Chiện. 2013. Hiện đại hóa và vấn đề đặt ra với chức năng cơ bản của gia đình Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Xã hội học*, số 4.
- Nguyễn Hữu Minh, Trần Thị Văn Anh (Chủ biên). 2009. *Nghiên cứu gia đình và giới thời kỳ đổi mới*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội.
- Nguyễn Thanh Tâm (Chủ biên). 2002. *Ly hôn - nghiên cứu trường hợp Hà Nội*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội.
- Phan Thị Luyện. 2015. Nguyên nhân ly hôn của phụ nữ qua nghiên cứu hồ sơ Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, Hà Nội. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, tập 25, số 2: 12-23.
- Quốc hội. 1946, 1950, 1980, 1992, 2013. Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam qua các thời kỳ.
- Quốc hội. 1959, 1986, 2000, 2014. Luật Hôn nhân và Gia đình.
- Tổng cục Thống kê. 2013, 2014, 2015, 2016. *Niên giám thống kê*. Nxb Thống kê.
- Trần Hữu Quang. 2005. Khái niệm hiện đại hóa. *Tạp chí Xã hội học*, số 2 (90).
- Tran Thi Minh Thi. 2014. *Model of Divorce in Contemporary Vietnam: A socio-economic and structural analysis of divorce in the Red River Delta in 2000s*. Social Sciences Publishing House. Ha Noi.
- Trần Văn Thạch. 2012. Ly hôn ở Đà Nẵng: nguyên nhân và những vấn đề đặt ra đối với hệ thống thiết chế xã hội. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 3.
- Vũ Mạnh Lợi, Trịnh Thị Quang, Nguyễn Hồng Thái. 2007. Quan hệ quyền lực giữa vợ và chồng trong gia đình Việt Nam hiện nay: Đề tài 2007. Viện Xã hội học. Hà Nội.
- Vũ Tuấn Huy (Chủ biên). 2004. *Xu hướng gia đình ngày nay*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội.